

Số: 1263 /QĐ-CT

Vĩnh Phúc, ngày 28 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đất đai
thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện; UBND cấp xã thuộc
phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019);

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 227/TTr-STNMT ngày 22/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 20 danh mục thủ tục hành chính thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện; 01 danh mục thủ tục hành chính thẩm quyền giải quyết UBND cấp xã thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Nội dung cụ thể của các danh mục thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định tại Phần II, Phụ lục kèm theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày

01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thay thế, bãi bỏ các danh mục thủ tục hành chính thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã được công bố tại các Quyết định số 3521/QĐ-CT ngày 24/12/2021; Quyết định số 1271/QĐ-CT ngày 08/6/2023; Quyết định số 2638/QĐ-CT ngày 01/12/2023; Quyết định số 371/QĐ-CT ngày 01/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính trên, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận :

- Cục KSTTHC- Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công thông tin - GTĐT tỉnh;
- VNPT Vĩnh Phúc;
- Lưu: VT, KSTT2,5. ✓

(L- 38b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Việt Văn

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CT ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. CẤP HUYỆN

1. Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân

Thời hạn giải quyết	Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất; Thời gian luân chuyển hồ sơ từ cơ quan tiếp nhận đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết (01 ngày). Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải có văn bản thông báo chuyển đến bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Đối với các xã miền núi thì được tăng thêm 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Địa điểm thực hiện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã
Cách thức thực hiện	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên môi trường điện tử
Phí, Lệ phí	* Phí thẩm định hồ sơ:

	+ Trường hợp Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu: 200.000 đồng/hồ sơ/thửa đất + Đối tượng nộp: Các đối tượng nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đăng ký biến động đất đai theo quy định. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng với tất cả các trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp). + Đối tượng được miễn: Trẻ em, hộ nghèo, người khuyết tật; thương bệnh binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng; cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lỗi của cơ quan nhà nước. * Lệ phí: + Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy; + Đối tượng nộp: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính. + Đối tượng không phải nộp: Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận; miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.
Căn cứ pháp lý	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất

	đai; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; - Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 về việc quy định mức thu lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến hết năm 2025.
Ghi chú	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 1, Mục C, phần II, phụ lục kèm theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Liên bộ Tài chính, Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất

2. Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân

Thời hạn giải quyết	Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ Thời gian này không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất; Thời gian luân chuyển hồ sơ từ cơ quan tiếp nhận đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết (01 ngày).
----------------------------	---

	Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải có văn bản thông báo chuyển đến bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Đối với các xã miền núi thì được tăng thêm 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Địa điểm thực hiện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã
Cách thức thực hiện	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên môi trường điện tử
Phí, Lệ phí	* Phí thẩm định hồ sơ: + Trường hợp Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu: 200.000 đồng/hồ sơ/thửa đất + Đối tượng nộp: Các đối tượng nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đăng ký biến động đất đai theo quy định. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng với tất cả các trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp). + Đối tượng được miễn: Trẻ em, hộ nghèo, người khuyết tật; thương bệnh binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng; cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lỗi của cơ quan nhà nước. * Lệ phí: + Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy; + Đối tượng nộp: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính. + Đối tượng không phải nộp: Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận; miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn.

	+ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.
Căn cứ pháp lý	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; - Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 về việc quy định mức thu lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến hết năm 2025.
Ghi chú	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 2, Mục C, phần II, phụ lục kèm theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Liên bộ Tài chính, Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất

3. Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là cá nhân

Thời hạn giải quyết	Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ Thời gian này không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất; Thời gian luân chuyển hồ sơ từ cơ quan tiếp nhận đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết (01 ngày). Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải có văn bản thông báo chuyển đến bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Đối với các xã miền núi thì được tăng thêm 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Địa điểm thực hiện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã
Cách thức thực hiện	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên môi trường điện tử
Phí, Lệ phí	* Phí thẩm định hồ sơ: + Trường hợp Đăng ký biến động đất đai: 300.000 đồng/hồ sơ/thửa đất; + Đối tượng nộp: Các đối tượng nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đăng ký biến động đất đai theo quy định. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng với tất cả các trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp). + Đối tượng được miễn: Trẻ em, hộ nghèo, người khuyết tật; thương bệnh binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng; cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lỗi của cơ quan nhà nước. * Lệ phí: + Cấp mới giấy chứng nhận QSD đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy; + Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: 100.000 đồng/lần cấp;

	+ Đối tượng nộp: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính. + Đối tượng không phải nộp: Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận; miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.
Căn cứ pháp lý	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; - Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 về việc quy định mức thu lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến hết năm 2025.

Ghi chú	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 3, Mục C, phần II, phụ lục kèm theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Liên bộ Tài chính, Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất
----------------	--

4. Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân

Thời hạn giải quyết	Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ Thời gian này không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất; Thời gian luân chuyển hồ sơ từ cơ quan tiếp nhận đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết (01 ngày). Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải có văn bản thông báo chuyển đến bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Đối với các xã miền núi thì được tăng thêm 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Địa điểm thực hiện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã
Cách thức thực hiện	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên môi trường điện tử
Phí, Lệ phí	* Phí thẩm định hồ sơ: + Trường hợp Đăng ký biến động đất đai: 300.000 đồng/hồ sơ/thửa đất; + Đối tượng nộp: Các đối tượng nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đăng ký biến động đất đai theo quy định. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng với tất cả các trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử

	dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp). + Đối tượng được miễn: Trẻ em, hộ nghèo, người khuyết tật; thương bệnh binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng; cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lỗi của cơ quan nhà nước. * Lệ phí: + Cấp mới giấy chứng nhận QSD đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy; + Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: 100.000 đồng/lần cấp; + Đối tượng nộp: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính. + Đối tượng không phải nộp: Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận; miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.
Căn cứ pháp lý	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

	- Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 về việc quy định mức thu lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến hết năm 2025.
Ghi chú	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 4, Mục C, phần II, phụ lục kèm theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Liên bộ Tài chính, Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất

5. Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân

Thời hạn giải quyết	Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ Thời gian này không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất; Thời gian luân chuyển hồ sơ từ cơ quan tiếp nhận đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết (01 ngày). Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải có văn bản thông báo chuyển đến bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Đối với các xã miền núi thì được tăng thêm 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
----------------------------	---

Địa điểm thực hiện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã
Cách thức thực hiện	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên môi trường điện tử
Phí, Lệ phí	* Phí thẩm định hồ sơ: + Trường hợp Đăng ký biến động đất đai: 300.000 đồng/hồ sơ/thửa đất; + Đối tượng nộp: Các đối tượng nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đăng ký biến động đất đai theo quy định. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng với tất cả các trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp). + Đối tượng được miễn: Trẻ em, hộ nghèo, người khuyết tật; thương bệnh binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng; cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lỗi của cơ quan nhà nước. * Lệ phí: + Cấp mới giấy chứng nhận QSD đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy; + Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: 100.000 đồng/lần cấp; + Đối tượng nộp: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính. + Đối tượng không phải nộp: Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận; miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.
Căn cứ pháp lý	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; - Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 về việc quy định mức thu lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến hết năm 2025.
Ghi chú	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 5, Mục C, phần II, phụ lục kèm theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Liên bộ Tài chính, Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất

6. Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân

Thời hạn giải quyết	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ Thời gian này không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất
----------------------------	--

	phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất; Thời gian luân chuyển hồ sơ từ cơ quan tiếp nhận đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết (01 ngày). Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải có văn bản thông báo chuyển đến bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Đối với các xã miền núi thì được tăng thêm 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Địa điểm thực hiện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã
Cách thức thực hiện	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên môi trường điện tử
Phí, Lệ phí	* Phí thẩm định hồ sơ: + Trường hợp Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu: 200.000 đồng/hồ sơ/thửa đất + Đối tượng nộp: Các đối tượng nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đăng ký biến động đất đai theo quy định. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng với tất cả các trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp). + Đối tượng được miễn: Trẻ em, hộ nghèo, người khuyết tật; thương bệnh binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng; cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lỗi của cơ quan nhà nước. * Lệ phí: + Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy; + Đối tượng nộp: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính. + Đối tượng không phải nộp: Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng

	nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận; miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.
Căn cứ pháp lý	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; - Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 về việc quy định mức thu lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến hết năm 2025.
Ghi chú	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 6, Mục C, phần II, phụ lục kèm theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư liên

	tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Liên bộ Tài chính, Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất
--	--

7. Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân

Thời hạn giải quyết	Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ Thời gian này không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất; Thời gian luân chuyển hồ sơ từ cơ quan tiếp nhận đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết (01 ngày). Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải có văn bản thông báo chuyển đến bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Đối với các xã miền núi thì được tăng thêm 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Địa điểm thực hiện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã
Cách thức thực hiện	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên môi trường điện tử
Phí, Lệ phí	* Phí thẩm định hồ sơ: + Trường hợp Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu: 200.000 đồng/hồ sơ/thửa đất + Đối tượng nộp: Các đối tượng nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đăng ký biến động đất đai theo quy định. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng với tất cả các trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền

	sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp). + Đối tượng được miễn: Trẻ em, hộ nghèo, người khuyết tật; thương bệnh binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng; cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lỗi của cơ quan nhà nước. * Lệ phí: + Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy; + Đối tượng nộp: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính. + Đối tượng không phải nộp: Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận; miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.
Căn cứ pháp lý	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

	- Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; - Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 về việc quy định mức thu lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến hết năm 2025.
Ghi chú	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 7, Mục C, phần II, phụ lục kèm theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Liên bộ Tài chính, Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất

8. Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là cá nhân

Thời hạn giải quyết	Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ Thời gian này không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất; Thời gian luân chuyển hồ sơ từ cơ quan tiếp nhận đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết (01 ngày). Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải có văn bản thông báo chuyển đến bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Đối với các xã miền núi thì được tăng thêm 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Địa điểm thực hiện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã
Cách thức thực hiện	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên môi trường điện tử
Phí, Lệ phí	* Phí thẩm định hồ sơ: + Trường hợp Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu: 200.000 đồng/hồ sơ/thửa đất + Đối tượng nộp: Các đối tượng nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đăng ký biến động đất đai theo quy định. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng với tất cả các trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp). + Đối tượng được miễn: Trẻ em, hộ nghèo, người khuyết tật; thương bệnh binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng; cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lỗi của cơ quan nhà nước. * Lệ phí:

	+ Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy; + Đối tượng nộp: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính. + Đối tượng không phải nộp: Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận; miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.
Căn cứ pháp lý	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; - Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 09/2023/NQ-

	HĐND ngày 20/7/2023 về việc quy định mức thu lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến hết năm 2025.
Ghi chú	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 8, Mục C, phần II, phụ lục kèm theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Liên bộ Tài chính, Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất

9. Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở.

Thời hạn giải quyết	Không quá 85 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ Thời gian này không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; thời gian người sử dụng đất thỏa thuận để thực hiện tích tụ đất nông nghiệp, góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai; thời gian trích đo địa chính thửa đất; thời hạn Hội đồng xét duyệt cá nhân đủ điều kiện giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Thời gian luân chuyển hồ sơ từ cơ quan tiếp nhận đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết (01 ngày). Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải có văn bản thông báo chuyển đến bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; trong thời gian không quá 01 ngày
----------------------------	--

	làm việc, bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Đối với các xã miền núi thì được tăng thêm 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Địa điểm thực hiện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã
Cách thức thực hiện	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên môi trường điện tử
Phí, Lệ phí	* Phí thẩm định hồ sơ: + Trường hợp Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu: 200.000 đồng/hồ sơ/thửa đất + Đối tượng nộp: Các đối tượng nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đăng ký biến động đất đai theo quy định. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng với tất cả các trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp). + Đối tượng được miễn: Trẻ em, hộ nghèo, người khuyết tật; thương bệnh binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng; cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lỗi của cơ quan nhà nước. * Lệ phí: + Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy; + Đối tượng nộp: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính. + Đối tượng không phải nộp: Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận; miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.

Căn cứ pháp lý	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; - Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 về việc quy định mức thu lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến hết năm 2025.
Ghi chú	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 9, Mục C, phần II, phụ lục kèm theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Liên bộ Tài chính, Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất

10. Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất

Thời hạn giải quyết	* Không quá 20 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu * Không quá 23 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền
----------------------------	---

	sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai (15 ngày), đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận; thời gian Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra, ký duyệt mảnh trích đo bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo bản đồ địa chính; thời gian cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng cấp huyện trả lời bằng văn bản cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai về điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng; thời gian luân chuyển hồ sơ từ cơ quan tiếp nhận đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết (01 ngày). Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải có văn bản thông báo chuyển đến bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Đối với các xã miền núi thì được tăng thêm 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Địa điểm thực hiện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã
Cách thức thực hiện	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên môi trường điện tử
Phí, Lệ phí	* Phí thẩm định hồ sơ: + Trường hợp Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu: 200.000 đồng/hồ sơ/thửa đất + Trường hợp Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản lần đầu: 250.000 đồng/hồ sơ/thửa đất + Từ tài sản thứ 2: 50% cấp riêng tài sản đồng/tài sản

	+ Đối tượng nộp: Các đối tượng nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đăng ký biến động đất đai theo quy định. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng với tất cả các trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp). + Đối tượng được miễn: Trẻ em, hộ nghèo, người khuyết tật; thương bệnh binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng; cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lỗi của cơ quan nhà nước. * Lệ phí: + Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy; + Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: 100.000 đồng/lần cấp; + Đối tượng nộp: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính. + Đối tượng không phải nộp: Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận; miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.
--	--

Căn cứ pháp lý	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; - Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 về việc quy định mức thu lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến hết năm 2025.
Ghi chú	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 11, Mục C, phần II, phụ lục kèm theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Liên bộ Tài chính, Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất

11. Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004

Thời hạn giải quyết	Không quá 20 ngày làm việc Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển hồ sơ cấp Giấy chứng nhận (02 ngày), thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận; thời gian luân chuyển hồ sơ từ cơ quan tiếp nhận đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết (01 ngày). Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải có văn bản thông báo chuyển đến bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Đối với các xã miền núi thì được tăng thêm 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Địa điểm thực hiện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã
Cách thức thực hiện	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên môi trường điện tử
Phí, Lệ phí	* Phí thẩm định hồ sơ: + Trường hợp Đăng ký biến động đất đai: 300.000 đồng/hồ sơ/thửa đất; + Đối tượng nộp: Các đối tượng nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đăng ký biến động đất đai theo quy định. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng với tất cả các trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp). + Đối tượng được miễn: Trẻ em, hộ nghèo, người khuyết tật; thương bệnh binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng; cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lỗi của cơ quan nhà nước. * Lệ phí:

	+ Cấp mới giấy chứng nhận QSD đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy; + Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: 100.000 đồng/lần cấp; + Đối tượng nộp: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính. + Đối tượng không phải nộp: Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận; miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.
Căn cứ pháp lý	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; - Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số

	09/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 về việc quy định mức thu lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến hết năm 2025.
Ghi chú	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 12, Mục C, phần II, phụ lục kèm theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Liên bộ Tài chính, Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất

12. Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất

Thời hạn giải quyết	Không quá 10 ngày làm việc Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai (15 ngày), đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản kết thúc niêm yết (05 ngày), thời gian Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra, ký duyệt mảnh trích đo bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo bản đồ địa chính, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận, thời gian luân chuyển hồ sơ từ cơ quan tiếp nhận đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết (01 ngày). Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải có văn bản thông báo chuyển đến bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Đối với các xã miền núi thì được tăng thêm 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Địa điểm thực hiện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

Cách thức thực hiện	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên môi trường điện tử
Phí, Lệ phí	* Phí thẩm định hồ sơ: + Cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận: 230.000 đồng/hồ sơ/thửa đất + Đối tượng nộp: Các đối tượng nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đăng ký biến động đất đai theo quy định. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng với tất cả các trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp). + Đối tượng được miễn: Trẻ em, hộ nghèo, người khuyết tật; thương bệnh binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng; cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lỗi của cơ quan nhà nước. * Lệ phí: + Đối với cấp lại (kể cả cấp giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận: 50.000 đồng/lần cấp. + Đối tượng nộp: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính. + Đối tượng không phải nộp: Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận; miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.
Căn cứ pháp lý	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; - Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 về việc quy định mức thu lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến hết năm 2025.
Ghi chú	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 13, Mục C, phần II, phụ lục kèm theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Liên bộ Tài chính, Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất

13. Định chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót

Thời hạn giải quyết	Không quá 10 ngày làm việc Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển hồ sơ cấp Giấy chứng nhận (02 ngày), thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận, thời gian luân chuyển hồ sơ từ cơ quan tiếp nhận đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết (01 ngày). Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải có văn bản thông báo chuyển đến bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Đối với các xã miền núi thì được tăng thêm 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Địa điểm thực hiện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã
Cách thức thực hiện	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên môi trường điện tử
Phí, Lệ phí	* Phí thẩm định hồ sơ: + Trường hợp Đăng ký biến động đất đai: 300.000 đồng/hồ sơ/thửa đất; + Đối tượng nộp: Các đối tượng nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đăng ký biến động đất đai theo quy định. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng với tất cả các trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp). + Đối tượng được miễn: Trẻ em, hộ nghèo, người khuyết tật; thương bệnh binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng; cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lỗi của cơ quan nhà nước.

	* Lệ phí: + Trường hợp chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 28.000 đồng/Giấy; + Cấp mới giấy chứng nhận QSD đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy; + Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: 100.000 đồng/lần cấp; + Đối tượng nộp: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính. + Đối tượng không phải nộp: Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận; miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đổi với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.
Căn cứ pháp lý	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; - Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị

	quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 về việc quy định mức thu lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến hết năm 2025.
Ghi chú	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 14, Mục C, phần II, phụ lục kèm theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường

14. Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi

Thời hạn giải quyết	* Thời gian thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp: không quá 25 ngày làm việc * Thời gian thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận sau thu hồi: không quá 23 ngày làm việc Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển hồ sơ cấp Giấy chứng nhận và cung cấp thông tin về cơ sở dữ liệu đất đai (02 ngày), thời gian Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra, ký duyệt mảnh trích đo bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo bản đồ địa chính, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận, thời gian luân chuyển hồ sơ từ cơ quan tiếp nhận đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết (01 ngày). Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải có văn bản thông báo chuyển đến bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Đối với các xã miền núi thì được tăng thêm 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
----------------------------	---

Địa điểm thực hiện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã
Cách thức thực hiện	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên môi trường điện tử
Phí, Lệ phí	* Phí thẩm định hồ sơ: + Trường hợp Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu: 200.000 đồng/hồ sơ/thửa đất + Trường hợp Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản lần đầu: 250.000 đồng/hồ sơ/thửa đất + Từ tài sản thứ 2: 50% cấp riêng tài sản đồng/tài sản + Đối tượng nộp: Các đối tượng nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đăng ký biến động đất đai theo quy định. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng với tất cả các trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp). + Đối tượng được miễn: Trẻ em, hộ nghèo, người khuyết tật; thương bệnh binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng; cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lỗi của cơ quan nhà nước. * Lệ phí: + Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy; + Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: 100.000 đồng/lần cấp; + Đối tượng nộp: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính. + Đối tượng không phải nộp: Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận; miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.

Căn cứ pháp lý	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; - Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 về việc quy định mức thu lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến hết năm 2025.
Ghi chú	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 15, Mục C, phần II, phụ lục kèm theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Liên bộ Tài chính, Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất

15. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông

Thời hạn giải quyết	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất theo quy định.
----------------------------	---

	Thời gian thực hiện không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải có văn bản thông báo chuyển đến bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Đối với các xã miền núi thì được tăng thêm 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Địa điểm thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất
Cách thức thực hiện	Nộp tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất
Phí, Lệ phí	* Phí thẩm định hồ sơ: + Trường hợp Đăng ký biến động đất đai: 300.000 đồng/hồ sơ/thửa đất + Trường hợp Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản: 490.000 đồng/hồ sơ/thửa đất + Từ tài sản thứ 2: 50% cấp riêng tài sản + Đối tượng nộp: Các đối tượng nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đăng ký biến động đất đai theo quy định. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng với tất cả các trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp). + Đối tượng được miễn: Trẻ em, hộ nghèo, người khuyết tật; thương bệnh binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng; cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lỗi của cơ quan nhà nước. * Lệ phí: + Trường hợp chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 28.000 đồng/giấy;

	+ Cấp mới Giấy chứng nhận QSD đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy; + Cấp mới Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 100.000 đồng/lần cấp; + Đối tượng nộp: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính. + Đối tượng không phải nộp: Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận; miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.
Căn cứ pháp lý	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; - Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số

	09/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 về việc quy định mức thu lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến hết năm 2025.
Ghi chú	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 16, Mục C, phần II, phụ lục kèm theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường

16. Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư

Thời hạn giải quyết	Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian trích đo bản đồ địa chính; thời gian Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển hồ sơ cấp Giấy chứng nhận (02 ngày), Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất; thời gian luân chuyển hồ sơ từ cơ quan tiếp nhận đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết (01 ngày). Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải có văn bản thông báo chuyển đến bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Đối với các xã miền núi thì được tăng thêm 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Địa điểm thực hiện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
Cách thức thực hiện	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên môi trường điện tử
Phí, Lệ phí	* Phí thẩm định hồ sơ: + Trường hợp Đăng ký biến động đất đai: 300.000 đồng/hồ sơ/thửa đất;

	+ Đối tượng nộp: Các đối tượng nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đăng ký biến động đất đai theo quy định. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng với tất cả các trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp). + Đối tượng được miễn: Trẻ em, hộ nghèo, người khuyết tật; thương bệnh binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng; cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lỗi của cơ quan nhà nước. * Lệ phí: + Trường hợp chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 28.000 đồng/giấy; + Cấp mới giấy chứng nhận QSD đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy; + Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: 100.000 đồng/lần cấp; + Đối tượng nộp: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính. + Đối tượng không phải nộp: Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận; miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.
Căn cứ pháp lý	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

	- Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; - Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 về việc quy định mức thu lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến hết năm 2025.
Ghi chú	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 17, Mục C, phần II, phụ lục kèm theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Liên bộ Tài chính, Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất

17. Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất

Thời hạn giải quyết	Không quá 07 ngày làm việc Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất; thời gian luân chuyển hồ sơ từ cơ quan tiếp nhận đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết (01 ngày). Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải có văn bản thông báo chuyển đến bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Thời
----------------------------	---

	hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Đối với các xã miền núi thì được tăng thêm 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Địa điểm thực hiện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
Cách thức thực hiện	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên môi trường điện tử
Phí, Lệ phí	* Phí thẩm định hồ sơ: + Trường hợp Đăng ký biến động đất đai: 300.000 đồng/hồ sơ/thửa đất + Đối tượng nộp: Các đối tượng nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đăng ký biến động đất đai theo quy định. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng với tất cả các trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp). + Đối tượng được miễn: Trẻ em, hộ nghèo, người khuyết tật; thương bệnh binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng; cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lỗi của cơ quan nhà nước. * Lệ phí: + Trường hợp chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 28.000 đồng/giấy; + Cấp mới Giấy chứng nhận QSD đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy; + Đối tượng nộp: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính. + Đối tượng không phải nộp: Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận; miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.

Căn cứ pháp lý	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; - Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 về việc quy định mức thu lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến hết năm 2025.
Ghi chú	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 18, Mục C, phần II, phụ lục kèm theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường

18. Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư

Thời hạn giải quyết	Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người
----------------------------	--

	sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất; Thời gian Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển hồ sơ cấp Giấy chứng nhận (02 ngày); Thời gian luân chuyển hồ sơ từ cơ quan tiếp nhận đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết (01 ngày). Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải có văn bản thông báo chuyển đến bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Đối với các xã miền núi thì được tăng thêm 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Địa điểm thực hiện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã
Cách thức thực hiện	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên môi trường điện tử
Phí, Lệ phí	* Phí thẩm định hồ sơ: + Trường hợp Đăng ký biến động đất đai: 300.000 đồng/hồ sơ/thửa đất + Đối tượng nộp: Các đối tượng nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đăng ký biến động đất đai theo quy định. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng với tất cả các trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp). + Đối tượng được miễn: Trẻ em, hộ nghèo, người khuyết tật; thương bệnh binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng; cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lỗi của cơ quan nhà nước. * Lệ phí: + Cấp mới Giấy chứng nhận QSD đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy; + Đối tượng nộp: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính. + Đối tượng không phải nộp: Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

	đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận; miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.
Căn cứ pháp lý	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; - Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 về việc quy định mức thu lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến hết năm 2025.
Ghi chú	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 19, Mục C, phần II, phụ lục kèm theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Liên bộ Tài chính, Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất

19. Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân

Thời hạn giải quyết	* Thời gian phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp: không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ * Trường hợp gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích: không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị Thời gian trên không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải có văn bản thông báo chuyển đến bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; trong thời gian không quá 01 ngày làm việc, bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Đối với các xã miền núi thì được tăng thêm 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Địa điểm thực hiện	Phòng Tài nguyên và Môi trường
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Phòng Tài nguyên và Môi trường, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên môi trường điện tử
Phí, Lệ phí	Không quy định
Căn cứ pháp lý	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất

	đai; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.
Ghi chú	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 20, Mục C, phần II, phụ lục kèm theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường

20. Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp huyện

Thời hạn giải quyết	Không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, thời gian 05 ngày thông báo bằng văn bản cho các bên tranh chấp đất đai và Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp về việc thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai. Đối với các xã miền núi thì được tăng thêm 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Địa điểm thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp huyện
Cách thức thực hiện	Thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp tại Trụ sở tiếp công dân cấp huyện.
Phí, Lệ phí	Không quy định
Căn cứ pháp lý	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Ghi chú	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 21, Mục C, phần II, phụ lục kèm theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
----------------	---

B. CẤP XÃ

1. Hòa giải tranh chấp đất đai

Thời hạn giải quyết	Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai
Địa điểm thực hiện	Bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân cấp xã
Cách thức thực hiện	Người có đơn yêu cầu hòa giải gửi đơn đến UBND cấp xã
Phí, Lệ phí	Không quy định
Căn cứ pháp lý	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; - Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.
Ghi chú	Những nội dung còn lại của TTHC được thực hiện tại số thứ tự 1, Mục D, phần II, phụ lục kèm theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường